

Bản án số: 177/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liếng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Cường;

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Phương T, sinh năm 1986; thường trú: Ấp C, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Khánh H, sinh năm 1984; thường trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; tạm trú: Số 22/73, đường số 1, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đào Thị Phương T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đào Thị Phương T và anh Phạm Khánh H tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn số 83/2007, quyển số 01 ngày 03/12/2007. Trong quá trình chung sống và làm ăn tại thành phố D, tỉnh Bình Dương

đến khoảng cuối năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã thường xuyên, cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng nên anh chị đã lý thân với nhau. Hiện nay chị T xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn, mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Khánh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Ngọc Khánh L, sinh ngày 02/8/2011 và Phạm Ngọc Khánh M, sinh ngày 03/5/2018. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Khánh H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/6/2022, và tham gia phiên tòa vào các ngày 29/8/2022 và 23/9/2022 nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không cung cấp tài liệu chứng cứ trong vụ án.

- *Tại biên bản xác minh* ngày 18/6/2022, Hội Liên hiệp phụ nữ phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin như sau: Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, Hội Liên hiệp phụ nữ phường A không có thông tin trình báo về mâu thuẫn vợ chồng chị Đào Thị Phương T và anh Phạm Khánh H. Vì vậy, về tình trạng quan hệ hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh H, Hội Liên hiệp phụ nữ phường An Bình không biết được.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 để xét xử vắng mặt các đương sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị Phương T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Phạm Khánh H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 29/8/2022 và 23/9/2022 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Phương T và anh Phạm Khánh H là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 83/2007, quyển số 01 ngày 03/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tố tụng nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã thường xuyên, cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu anh H để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ, hàn gắn quan hệ hôn nhân gia đình đồng thời chị T có đơn từ chối hòa giải. Như vậy, chứng tỏ mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng không thể hàn gắn vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Ngọc Khánh L, sinh ngày 02/8/2011 và Phạm Ngọc Khánh M, sinh ngày 03/5/2018. Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn. Quá trình tố tụng anh H không có ý kiến về việc trực tiếp nuôi dưỡng con và cấp dưỡng. Xét, việc giao con cho ai chăm sóc phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các con. Các cháu Ly và My là con gái và còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Vì vậy, việc giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình phù hợp với nguyện vọng của cháu L.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị Phương T về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Phạm Khánh H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đào Thị Phương T được ly hôn với anh Phạm Khánh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2007, quyền số 01 ngày 03/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Phạm Ngọc Khánh L, sinh ngày 02/8/2011 và Phạm Ngọc Khánh M, sinh ngày 03/5/2018 cho chị Đào Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đào Thị Phương T không yêu cầu anh Phạm Khánh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T, anh H phải tạo điều kiện cho nhau trong việc chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung)*: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Đào Thị Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003591 ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật/.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố D (01);
- CCTHA DS thành phố D (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Liễu**





